



THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

*Tài liệu tham khảo
cho nhóm tự lực và nhóm hỗ trợ*

SÁCH KHÔNG BÁN

Tài liệu tham khảo
cho nhóm tự lực và nhóm hỗ trợ

THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

 NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ TƯ CÁCH PHÁP NHÂN

*Tài liệu tham khảo
cho nhóm tự lực và nhóm hỗ trợ*



NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

**THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ
TƯ CÁCH PHÁP NHÂN**

DỰ ÁN SÁNG KIẾN CHÍNH SÁCH Y TẾ VIỆT NAM
CHƯƠNG TRÌNH PHỐI HỢP CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ HIV/AIDS

**THÀNH LẬP VÀ ĐĂNG KÝ
TƯ CÁCH PHÁP NHÂN**

*Tài liệu tham khảo
cho nhóm tự lực và nhóm hỗ trợ*

**NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP
HÀ NỘI - 2010**

Lời giới thiệu

Phòng, chống HIV/AIDS được Đảng và Nhà nước Việt Nam xác định là trách nhiệm của mỗi người, mỗi gia đình và toàn xã hội. Các ngành, các cấp, các tổ chức xã hội đã tham gia tích cực với chủ trương xã hội hoá công tác phòng, chống HIV/AIDS. Bản thân người nhiễm HIV và gia đình họ đã thể hiện được vai trò và sự đóng góp của mình trong các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng.

Theo báo cáo UNGASS năm 2010 của Việt Nam, sự tham gia mạnh mẽ của các tổ chức xã hội dân sự ở nước ta vào tất cả các khía cạnh liên quan đến HIV/AIDS đã được khẳng định rõ trong giai đoạn 2008-2009, bao gồm các hoạt động dự phòng, điều trị, chăm sóc và hỗ trợ, truyền thông thay đổi hành vi, tư vấn và xét nghiệm, giảm kỳ thị và phân biệt đối xử, thúc đẩy các hoạt động can thiệp giảm tác hại, hỗ trợ kinh tế và cải thiện chất lượng cuộc sống cho những người nhiễm HIV.

Hiện nay, các tổ chức của người nhiễm HIV như nhóm tự lực, nhóm trợ giúp hay câu lạc bộ đã hình thành nhanh chóng ở Việt Nam về số lượng, chất lượng và phạm vi hoạt động. Nhiều nhóm trong số họ muốn được tìm hiểu các thông tin, các quy định của nhà nước về thành lập và đăng ký tư cách pháp nhân.

Để giúp các nhóm được trang bị đầy đủ kiến thức và hỗ trợ cung cấp thông tin cần thiết cho các nhóm trong việc thành lập và đăng ký pháp nhân, Dự án Sáng kiến chính sách y tế Việt Nam phối hợp với UNAIDS và Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản cuốn tài liệu tham khảo cho các nhóm tự lực, các nhóm hỗ trợ về thành lập và đăng ký pháp nhân cho một số loại hình tổ chức.

Cuốn tài liệu này được hoàn thành với sự hợp tác và đóng góp ý kiến của các chuyên gia trong nước, bao gồm một số chuyên gia ở các cơ quan quản lý nhà nước, chuyên gia quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các nhóm tự lực, các nhóm hỗ trợ và mạng lưới người sống chung với HIV/AIDS. Dự án Sáng kiến chính sách y tế Việt Nam, UNAIDS trân trọng cảm ơn những đóng góp quý báu đó để cuốn tài liệu này được hoàn thiện.

Hà Nội, tháng 5/2010

NHÀ XUẤT BẢN T- PHÁP

Hướng dẫn sử dụng

1. Mục đích của tài liệu là gì?

Tài liệu này nhằm mục đích cung cấp và phổ biến thông tin, nâng cao sự hiểu biết về việc thành lập một số loại hình tổ chức có tư cách pháp nhân nhằm giúp các nhóm tự lực, nhóm hỗ trợ, nhóm những người sống chung với HIV/AIDS được tiếp cận môi trường, điều kiện thuận lợi tham gia vào các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS và đóng góp cho cộng đồng xã hội.

2. Ai là người sử dụng tài liệu này?

Người sử dụng tài liệu này là những người sống chung với HIV/AIDS hoặc bất kỳ cá nhân nào mong muốn tham gia các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS, các nhóm tự lực, nhóm hỗ trợ và các mạng lưới của người HIV, đặc biệt đối với các nhóm đang có mong muốn thành lập và đăng ký tư cách pháp nhân cho nhóm mình.

3. Tài liệu này được sử dụng như thế nào?

Tài liệu này được sử dụng như một tài liệu tham khảo cho bất cứ ai mong muốn tìm hiểu, nghiên cứu, áp dụng vào việc tiến hành các bước thành lập và đăng ký pháp nhân cho tổ chức của mình.

Tài liệu này được trình bày theo thứ tự từ những thông tin cơ bản cho đến những thông tin chi tiết các bước để đăng ký pháp nhân cho từng loại hình tổ chức. Có rất nhiều cách sử dụng, tuy nhiên với cách trình bày của cuốn tài liệu này, có thể đọc tuần tự từ đầu đến cuối, có thể chỉ tìm phần thông tin về từng loại hình mà người đọc quan tâm.

Cuốn tài liệu đã sử dụng một số ký hiệu sau đây để nhấn mạnh những vấn đề cần lưu ý:



Tham khảo ví dụ thực tế



Những điểm cần lưu ý

4. Cuốn tài liệu này bao gồm những nội dung gì?

Tài liệu này bao gồm các nội dung chính sau đây:

Phần A. Thông tin cơ bản - Phần này bao gồm một số nội dung cơ bản liên quan đến pháp nhân như điều kiện để được công nhận là pháp nhân, quyền và nghĩa vụ của tổ chức có tư cách pháp nhân.

Phần B. Hướng dẫn đăng ký tư cách pháp nhân cho một số loại hình tổ chức - Phần này cung cấp thông tin cụ thể về điều kiện và quy trình thành lập pháp nhân cho từng loại hình tổ chức nhằm giúp các nhóm có thêm những thông tin cần thiết và lựa chọn cho nhóm mình loại hình tổ chức phù hợp. Một số ví dụ thực tế của các nhóm đã thành công trong việc lựa chọn, thành lập và đăng ký tư cách pháp nhân cũng được giới thiệu để các nhóm khác tham khảo.

Phần C. Phụ lục - Phần này bao gồm các văn bản quy phạm pháp luật quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của các loại hình đã được giới thiệu tại Phần B; địa chỉ trang tin điện tử để truy cập văn bản chi tiết; địa chỉ của Văn phòng trợ giúp pháp lý và Hội Phòng, chống HIV/AIDS một số tỉnh, thành phố để các nhóm có thể liên lạc khi cần trợ giúp hoặc cung cấp thông tin.

! Các thông tin được giới thiệu trong cuốn tài liệu dựa trên những quy định pháp luật hiện hành của nhà nước Việt Nam về tổ chức, quản lý và hoạt động của một số loại hình tổ chức. Tài liệu này được hoàn thành vào cuối tháng 4/2010, do vậy các thông tin trong tài liệu có thể bị thay đổi sau đó. Người đọc nên kiểm tra thông tin nếu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới.

PHẦN A

THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Pháp nhân

Theo Điều 84 Bộ luật Dân sự năm 2005, một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Được thành lập hợp pháp;
- Có cơ cấu tổ chức chặt chẽ;
- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản đó;
- Nhân danh mình tham gia các quan hệ pháp luật một cách độc lập.

2. Thành lập pháp nhân

Theo quy định tại Điều 85 của Bộ Luật dân sự năm 2005, pháp nhân được thành lập theo sáng kiến của cá nhân, tổ chức hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quyền và nghĩa vụ của một tổ chức có tư cách pháp nhân

Khi một tổ chức được công nhận là pháp nhân, thì tổ chức đó có quyền lợi và nghĩa vụ sau:

- Quyền có người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của pháp nhân, nhân danh pháp nhân trong quan hệ dân sự. Điều này có nghĩa là người đại diện hoặc uỷ quyền pháp nhân có thể nhân danh tổ chức tham

gia hoạt động kinh tế - xã hội như thay mặt pháp nhân đóng góp ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, tiếp nhận sự hỗ trợ trong và ngoài nước.

- Pháp nhân phải chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản của mình về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân.

- Người đại diện của pháp nhân có quyền ký kết hợp đồng kinh tế, đấu thầu dự án, đề tài nghiên cứu, cung ứng dịch vụ công và phải chịu trách nhiệm bằng tài sản của tổ chức đó.

Một tổ chức có tư cách pháp nhân thì tổ chức đó có năng lực hành vi pháp luật dân sự, được xác lập các quan hệ giao dịch dân sự một cách độc lập. Năng lực hành vi pháp luật dân sự của pháp nhân được hiểu là khả năng của pháp nhân có các quyền, nghĩa vụ dân sự phù hợp với mục đích hoạt động của mình.

4. Một số loại hình tổ chức các nhóm có thể áp dụng thành lập

Hiện nay, theo quy định của pháp luật Việt Nam, có nhiều loại hình tổ chức khác nhau. Các nhóm tự lực, nhóm hỗ trợ và nhóm những người sống chung với HIV (sau đây gọi tắt là các nhóm) có thể nghiên cứu các loại hình giới thiệu dưới đây để đăng ký thành lập theo theo khả năng và điều kiện của từng nhóm:

- Hội;

- Tổ chức khoa học và công nghệ;
- Quỹ xã hội, quỹ từ thiện;
- Tổ hợp tác;
- Hợp tác xã;
- Hộ kinh doanh;
- Doanh nghiệp.

Các quy định và điều kiện cụ thể cho mỗi loại hình sẽ được mô tả chi tiết ở Phần B.

PHẦN B

ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC THÀNH LẬP/ĐĂNG KÝ PHÁP NHÂN

Trước khi tìm hiểu thông tin chi tiết về các loại hình tổ chức khác nhau, bảng thông tin tóm tắt sau đây cung cấp những nội dung cơ bản về điều kiện thành lập, những thuận lợi và các thách thức của từng loại hình nhằm giúp bạn đọc có tầm nhìn khái quát và tìm cho mình loại hình pháp nhân có khả năng phù hợp nhất.

Những nội dung cơ bản đối với mỗi loại hình tổ chức

TT	Loại hình tổ chức	Mục đích hoạt động	Điều kiện khi đăng ký thành lập/kinh doanh	Các yêu cầu cần chú ý	Thuận lợi
1	Hội	<ul style="list-style-type: none"> - Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên. - Hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả. - Góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có mục đích hoạt động không trái với pháp luật. - Không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính với Hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trên cùng địa bàn lãnh thổ. - Có điều lệ. - Có trụ sở. - Có đủ số thành viên đăng ký tham gia Hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phải thành lập Ban vận động và được cơ quan có thẩm quyền công nhận trước khi tiến hành các thủ tục thành lập Hội. - Phải có đủ chữ ký đăng ký tham gia của các thành viên. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không phải đóng phí khi đăng ký và vốn khi thành lập. - Có con dấu riêng. - Có tài khoản riêng.
2	Quỹ xã hội, quỹ từ thiện	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động gây quỹ nhằm hỗ trợ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các hoạt động vì lợi ích cộng đồng không vì mục đích lợi nhuận. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có mục đích hoạt động nhằm khuyến khích phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì lợi nhuận. - Có cam kết đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức là sáng lập viên. - Có Điều lệ, cơ cấu tổ chức phù hợp với các quy định của pháp luật. - Có trụ sở giao dịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cần đảm bảo có vốn góp ban đầu khi lập quỹ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không phải đóng phí khi thành lập. - Có con dấu riêng. - Có tài khoản riêng.

TT	Loại hình tổ chức	Mục đích hoạt động	Điều kiện khi đăng ký thành lập/kinh doanh	Các yêu cầu cần chú ý	Thuận lợi
3	Tổ chức khoa học và công nghệ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ. - Thực hiện các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. - Thực hiện các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ. - Thực hiện các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật. - Có điều lệ và tổ chức hoạt động. - Phải có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 20% có trình độ chuyên môn thuộc một trong các lĩnh vực chủ yếu xin đăng ký hoạt động và ít nhất 40% làm việc theo chế độ chính nhiệm. - Vốn đăng ký hoạt động là tiền mặt hoặc giá trị cơ sở vật chất — kỹ thuật khác quy ra tiền mặt ít nhất là 200 triệu đồng. - Có trụ sở. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đòi hỏi về nhân sự khoa học phải có trình độ từ đại học. - Phải đảm bảo có đủ vốn ban đầu để hoạt động, tối thiểu là 200 triệu đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có con dấu riêng. - Có tài khoản riêng.
4	Tổ hợp tác	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất hàng hoá, kinh doanh. - Tạo thu nhập và việc làm. - Thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm và xoá đói, giảm nghèo ở địa phương. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có ít nhất là 03 người tự nguyện ký kết tham gia hợp đồng hợp tác. - Có hợp đồng hợp tác và được chứng thực của Ủy ban nhân dân xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đòi hỏi có định hướng ngành nghề kinh doanh, sản xuất hàng hoá. - Cần có vốn sản xuất, kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không đòi hỏi trình độ của người sáng lập. - Không mất phí chứng thực hợp đồng. - Có tài khoản riêng. - Được hưởng một số chế độ, chính sách hỗ trợ của nhà nước về thông tin, tư vấn và đào tạo cán bộ.

TT	Loại hình tổ chức	Mục đích hoạt động	Điều kiện khi đăng ký thành lập/kinh doanh	Các yêu cầu cần chú ý	Thuận lợi
5	Hợp tác xã	- Sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước	<ul style="list-style-type: none"> - Có hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ. - Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. - Tên, biểu tượng (nếu có) của hợp tác xã. - Có vốn điều lệ. - Đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề mà Chính phủ quy định phải có vốn pháp định thì vốn điều lệ không được thấp hơn vốn pháp định. - Nộp đủ lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đòi hỏi có định hướng ngành nghề kinh doanh, sản xuất hàng hoá. - Cần có vốn sản xuất, kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có con dấu riêng. - Có tài khoản riêng. - Được hưởng một số chế độ, chính sách hỗ trợ của nhà nước khuyến khích phát triển hợp tác xã về: thành lập; bồi dưỡng, đào tạo, đất đai, tài chính, tín dụng, xúc tiến thương mại, ứng dụng công nghệ; đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất của hợp tác xã, đời sống của cộng đồng xã viên và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.
6	Hộ kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất, kinh doanh. - Tạo thu nhập và việc làm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh. - Tên hộ kinh doanh dự định đăng ký phù hợp quy định tại Điều 42 Nghị định 88 về đặt tên hộ kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đòi hỏi có định hướng ngành nghề kinh doanh. - Cần có vốn kinh doanh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có tài khoản

TT	Loại hình tổ chức	Mục đích hoạt động	Điều kiện khi đăng ký thành lập/kinh doanh	Các yêu cầu cần chú ý	Thuận lợi
			- Nộp đủ lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.		
7	Doanh nghiệp	- Sản xuất kinh doanh và cung ứng các dịch vụ có lợi nhuận. - Tạo thu nhập và việc làm.	- Có hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định của pháp luật. - Nộp đủ lệ phí kinh doanh theo quy định của pháp luật.	- Cần người có trình độ quản lý, có chiến lược kinh doanh. - Đảm bảo có vốn để kinh doanh.	- Có con dấu riêng - Có tài khoản riêng

I. Hội

1. Định nghĩa về Hội

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định 45/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội (sau đây gọi chung là Nghị định 45), Hội được hiểu là:

- Tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Hội có các tên gọi khác nhau: Hội, Liên hiệp hội, Tổng hội, Liên đoàn, Hiệp hội, Câu lạc bộ có tư cách pháp nhân và các tên gọi khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội

Sau đây là một số quyền của Hội được quy định tại Điều 23 Nghị định 45 như sau:

- Tổ chức, hoạt động theo điều lệ hội đã được phê duyệt.

- Tuyên truyền mục đích của Hội.
- Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.
- Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định.
- Thành lập pháp nhân thuộc hội theo quy định của pháp luật.
- Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
- Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

- Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của nhà nước giao.

Điều 24 Nghị định 45 quy định Hội có một số nghĩa vụ sau:

- Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội và điều lệ hội. Không được lợi dụng hoạt động của hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

- Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó.

- Hàng năm, Hội phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước ngành, lĩnh vực mà hội hoạt động, chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

- Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

- Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc hội, sổ sách, các chứng từ về tài sản, chính của Hội và văn phòng đại diện, biên bản các cuộc họp Ban lãnh đạo Hội.

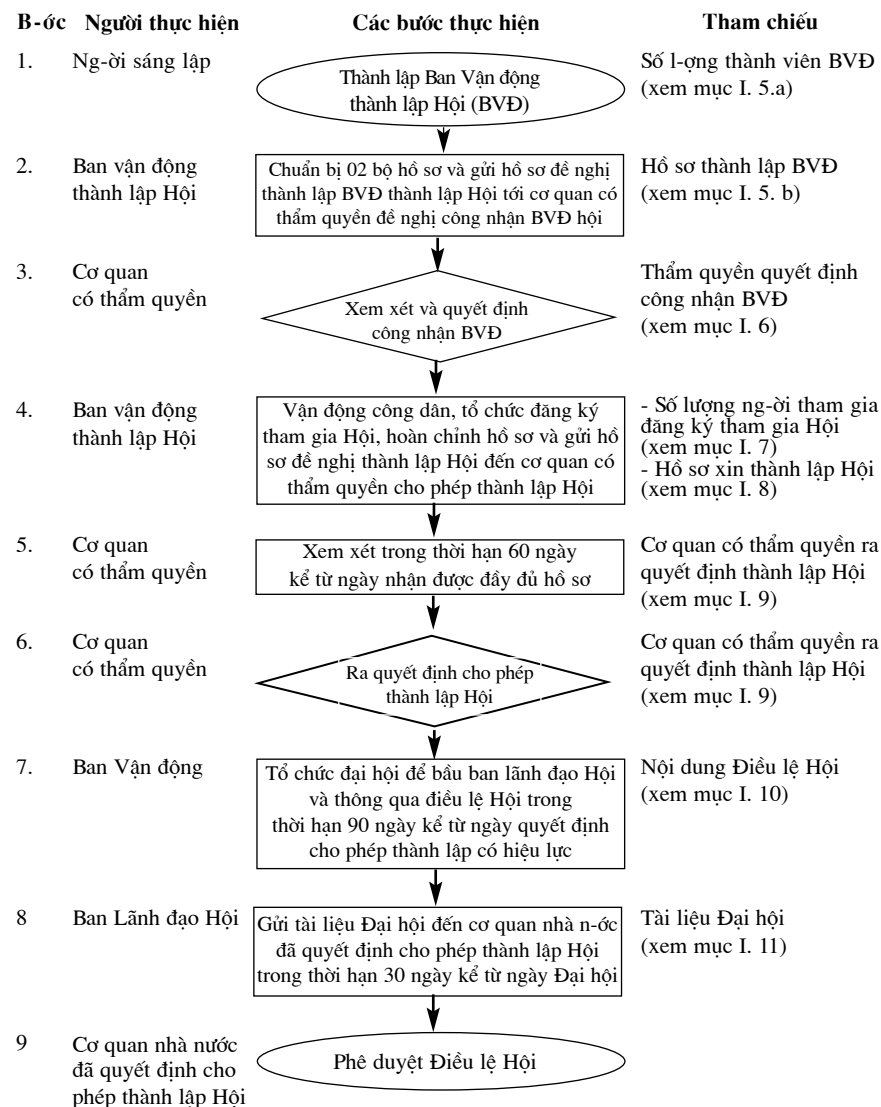
- Chấp hành quy định của pháp luật về sử dụng kinh phí và báo cáo quyết toán tài chính gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước nhà nước có thẩm quyền về tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài.

3. Điều kiện thành lập Hội

Căn cứ Điều 5 Nghị định 45, điều kiện thành lập Hội được quy định như sau:

- Có mục đích hoạt động không trái với pháp luật
- Không trùng lặp về tên gọi và lĩnh vực hoạt động chính với Hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trên cùng địa bàn lãnh thổ.
- Có điều lệ.
- Có trụ sở
- Có số lượng công dân, tổ chức Việt Nam đăng ký tham gia thành lập Hội.

4. Các bước thành lập Hội



5. Thành lập Ban Vận động thành lập Hội

a. Số lượng thành viên trong Ban Vận động thành lập Hội

- Hội có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc liên tỉnh có ít nhất 10 thành viên;

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh, có ít nhất 5 thành viên;

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã có ít nhất 3 thành viên;

b. Hồ sơ đề nghị công nhận Ban Vận động thành lập Hội

Theo Điều 6 Nghị định 45, hồ sơ đề nghị công nhận Ban Vận động thành lập Hội bao gồm:

- Đơn xin công nhận ban vận động thành lập Hội, trong đơn nêu rõ tên Hội, tôn chỉ, mục đích của Hội, lĩnh vực mà Hội dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động, dự kiến thời gian trụ bị thành lập Hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp.

- Danh sách và trích ngang của những người dự kiến trong Ban vận động thành lập Hội; họ, tên, ngày, tháng, năm sinh; trú quán; trình độ văn hoá; trình độ chuyên môn.

6. Cơ quan có thẩm quyền công nhận Ban Vận động thành lập Hội

Theo Điều 6, Nghị định 45, việc công nhận Ban Vận động thành lập Hội được quy định như sau:

- Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà Hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc liên tỉnh;

- Sở quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà Hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận Ban Vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh;

- Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định công nhận Ban Vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) uỷ quyền cho phép thành lập; chia, tách; sáp nhập; hợp nhất, giải thể; đổi tên và phê duyệt điều lệ đối với Hội có phạm vi hoạt động trong xã, thì phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận Ban vận động thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong xã.

7. Số lượng thành viên đăng ký tham gia thành lập Hội

Số lượng người đăng ký tham gia thành lập Hội được quy định như sau:

- Hội có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc liên tỉnh có ít nhất 100 công dân, tổ chức ở nhiều tỉnh có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập Hội.

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh có ít nhất 50 công dân, tổ chức trong tỉnh có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập Hội.

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện có ít nhất 20 công dân, tổ chức trong huyện có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập Hội.

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã có ít nhất 10 công dân, tổ chức trong xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập Hội.

Đối với Hội nghề nghiệp có tính đặc thù chuyên môn, số lượng công dân và tổ chức tự nguyện đăng ký tham gia thành lập Hội do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định 45 xem xét quyết định từng trường hợp cụ thể.

8. Hồ sơ xin thành lập Hội

Hồ sơ xin phép thành lập Hội bao gồm:

- Đơn xin phép thành lập Hội;
- Dự thảo Điều lệ Hội;
- Dự kiến phương hướng hoạt động;
- Danh sách những người trong Ban vận động thành lập Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận;
- Sơ yếu lý lịch tư pháp người đứng đầu Ban vận động thành lập Hội.
- Các văn bản xác định nơi dự kiến đặt trụ sở của Hội.
- Bản kê khai tài sản do sáng lập viên tự nguyện đóng góp (nếu có).

9. Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định 45, các cơ quan sau có thẩm quyền cho phép thành lập Hội:

- Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong cả nước hoặc liên tỉnh.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép thành lập Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh.

10. Nội dung của Điều lệ Hội

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 45, nội dung chính của Điều lệ hội gồm:

- Tên gọi của Hội;
- Tôn chỉ mục đích, lĩnh vực và phạm vi hoạt động của Hội;
- Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội;
- Nguyên tắc tổ chức và hoạt động;
- Thẻ thức vào Hội, ra Hội, thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên;
- Tiêu chuẩn hội viên;
- Quyền, nghĩa vụ của hội viên;
- Cơ cấu, tổ chức, thể thức bầu và miễn nhiệm; nhiệm vụ, quyền hạn của Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra, các chức vụ lãnh đạo khác của Hội; nguyên tắc, hình thức biểu quyết.
- Tài sản, tài chính và phương thức quản lý tài sản, tài chính của Hội;
- Điều kiện giải thể và thanh quyết toán tài sản, tài chính;
- Khen thưởng, kỷ luật; khiếu nại, giải quyết khiếu nại trong nội bộ Hội;
- Thẻ thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Hiệu lực thi hành.

11. Tài liệu Đại hội gửi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Theo quy định tại Điều 12 Nghị định 45, tài liệu Đại hội gồm:

- Điều lệ và biên bản thông qua Điều lệ Hội;
- Biên bản bầu Ban lãnh đạo, Ban kiểm tra (có danh sách kèm theo) và lý lịch của người đứng đầu Hội;
- Chương trình hoạt động của Hội;
- Nghị quyết Đại hội.

12. Vai trò bộ quản lý ngành lĩnh vực Hội

Cơ quan quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực mà Hội hoạt động có vai trò, trách nhiệm đối với Hội được quy định như sau

- Công nhận Ban Vận động thành lập Hội hoạt động trong lĩnh vực do bộ, ngành chịu trách nhiệm quản lý nhà nước;
- Tham gia bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể và phê duyệt Điều lệ Hội;
- Hướng dẫn và tạo điều kiện cho Hội hoạt động đúng các quy định của pháp luật về Hội;
- Lấy ý kiến Hội để hoàn thiện văn bản quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực Hội hoạt động;
- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Hội; kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Hội đối với các Hội.

! Nếu một tổ chức triển khai các hoạt động liên quan đến phòng, chống HIV/AIDS, tổ chức đó sẽ chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS (cụ thể ở đây là Bộ Y tế với Hội có phạm vi hoạt động toàn quốc, Sở Y tế với Hội có phạm vi hoạt động tại trong tỉnh thành phố trực thuộc trung ương). Cơ quan quản lý nhà nước sẽ ra văn bản công nhận Ban Vận động thành lập Hội, tham gia bằng văn bản với cơ quan cho phép thành lập Hội về việc thành lập tổ chức này. Sau khi được thành lập, các cơ quan quản lý nhà nước sẽ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với Hội với nhiệm vụ là hướng dẫn, hỗ trợ cho tổ chức đó hoạt động phù hợp và đảm bảo việc tuân thủ pháp luật và chiến lược quốc gia về phòng, chống HIV/AIDS cũng như cung cấp các thông tin chính thức liên quan đến HIV/AIDS, đồng thời có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về Hội và Điều lệ Hội.

13. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

! Thực tế có một số nhóm đã lựa chọn thành lập tổ chức của mình với danh nghĩa là “chi hội”, có nghĩa là hoạt động nh- là một tổ chức thành viên của một tổ chức Hội nào đó đã có tư cách pháp nhân. Hiện nay, có nhiều Hội hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS, như Hội Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam và một số Hội Phòng, chống HIV/AIDS ở địa phương (như TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, An Giang, Khánh Hòa). Hội Phòng, chống HIV/AIDS có các hoạt động hỗ trợ người nhiễm HIV, ngoài ra các Hội này đều có đại diện là người nhiễm tham gia trong ban lãnh đạo.



Ví dụ thực tế về việc đăng ký pháp nhân

Nhóm Niềm tin là một ví dụ của nhóm người nhiễm HIV/AIDS đã đăng ký thành công. Với sự nỗ lực của Nhóm Niềm tin và sự chỉ đạo, ủng hộ của Hội Phòng, chống HIV/AIDS TP. Hồ Chí Minh, trong thời gian 2 tháng tiến hành các thủ tục, ngày 9/5/2009, Nhóm niềm tin đã được Hội Phòng, chống HIV/AIDS TP Hồ Chí Minh công nhận và thành lập với tên gọi là Chi hội Niềm tin. Chi hội hiện có 35 hội viên và hoạt động trong các lĩnh vực (1) vận động người nhiễm HIV được chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ tâm lý cũng như tuân thủ điều trị; (2) Hỗ trợ và chăm sóc hội viên có hoàn cảnh khó khăn, tạo công ăn việc làm cũng như vận động hỗ trợ con em hội viên được đến trường và được chăm sóc theo dõi sức khỏe.

Ví dụ thứ hai, ở Hà Nội hiện nay có 30 nhóm tự lực cũng đã đăng ký thành công và tham gia là “Chi hội” thành viên của Hội Phòng, chống HIV/AIDS thành phố Hà Nội.

Đối với những trường hợp này, các Chi hội trên không phải là đơn vị pháp nhân độc lập mà là đơn vị trực thuộc Hội Phòng, chống HIV/AIDS, sử dụng con dấu và tài khoản của Hội Phòng, chống HIV/AIDS TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội.

II. Quỹ xã hội, quỹ từ thiện

1. Định nghĩa về Quỹ

Theo Điều 3, Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện (sau đây gọi chung là Nghị định 148), Quỹ được hiểu như sau:

Quỹ là tổ chức phi chính phủ có tư cách pháp nhân do một hoặc nhiều cá nhân, tổ chức tự nguyện dành một khoản tài sản nhất định để thành lập hoặc thành lập thông qua hợp đồng, hiến tặng, di chúc, nhằm mục đích hỗ trợ văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các hoạt động vì lợi ích cộng đồng không vì mục đích lợi nhuận, quỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập, công nhận Điều lệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện

Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện có một số quyền sau:

- Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ đã được công nhận và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Vận động quyên góp, vận động tài trợ cho quỹ; tiếp nhận tài sản do các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước theo đúng tôn chỉ, mục đích của quỹ và theo quy định của pháp luật.

- Được quan hệ với cá nhân, tổ chức để vận động quyên góp, vận động tài trợ cho quỹ hoặc cho các đề án cụ thể của quỹ theo quy định của pháp luật.

- Được quan hệ với các địa phương, tổ chức, cá nhân cần sự trợ giúp để xây dựng các đề án tài trợ theo tôn chỉ, mục đích hoạt động của quỹ.

- Được tổ chức các dịch vụ và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật để bảo tồn và tăng trưởng tài sản quỹ.

Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện có một số nghĩa vụ sau:

- Toàn bộ tiền và tài sản huy động vào quỹ phải sử dụng đúng mục đích, đối tượng

- Lưu trữ và công khai hồ sơ, các chứng từ, tài liệu về tài sản, tài chính của quỹ; nghị quyết, biên bản về các hoạt động của quỹ theo quy định của pháp luật.

- Sử dụng tài sản, tài chính theo đúng tôn chỉ, mục đích của quỹ;

- Nộp thuế, phí, lệ phí và thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

- Được quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật và chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước, của tổ chức, cá nhân tài trợ và của cộng đồng theo quy định của pháp luật.

- Hàng năm, quỹ phải nộp báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động và báo cáo tài chính cho cơ quan cho phép thành

lập và công nhận Điều lệ quỹ, cơ quan quản lý nhà nước về tài chính cùng cấp và thực hiện công khai các khoản đóng góp của quỹ trước ngày 31 tháng 3 năm sau.

- Khi có thay đổi về trụ sở làm việc và nhân sự, Chủ tịch, Giám đốc và Kế toán trưởng, quỹ phải báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập quỹ. Khi sửa đổi Điều lệ phải được cơ quan nhà nước cho phép thành lập quỹ công nhận.

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Điều kiện thành lập Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện

Theo quy định tại Điều 9 Nghị định 148, Quỹ được thành lập khi có đủ những điều kiện sau đây:

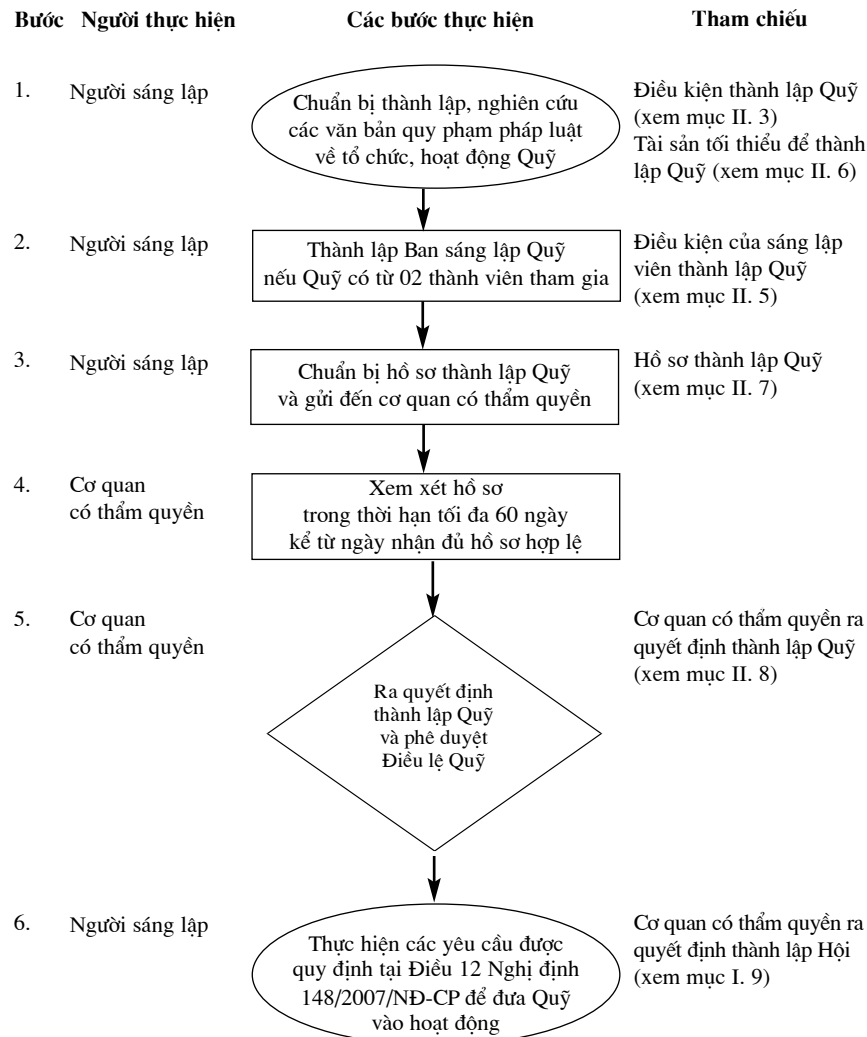
- Có mục đích hoạt động nhằm mục đích khuyến khích phát triển văn hoá, giáo dục, y tế, thể dục thể thao, khoa học, từ thiện, nhân đạo và các mục đích phát triển cộng đồng, không vì lợi nhuận.

- Có cam kết đóng góp tài sản của cá nhân, tổ chức là sáng lập viên;

- Có Điều lệ, cơ cấu tổ chức phù hợp với các quy định của pháp luật;

- Có trụ sở giao dịch.

4. Các bước thành lập Quỹ



5. Điều kiện của sáng lập viên thành lập Quỹ

Theo quy định tại Điều 8 Nghị định 148, sáng lập viên thành lập Quỹ phải có đủ những điều kiện sau đây:

- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự được thành lập quỹ;

- Tổ chức của Việt Nam, doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập hợp pháp tại Việt Nam, có khả năng đóng góp tài sản cho quỹ theo cam kết, được ban lãnh đạo tổ chức, doanh nghiệp nhất trí thành lập quỹ bằng văn bản và quyết định cử người đại diện đứng ra lập quỹ;

- Cá nhân, tổ chức được thừa kế theo di chúc mà có nghĩa vụ thực hiện yêu cầu lập quỹ của người để lại tài sản hoặc yêu cầu của người hiến tặng tài sản thông qua hợp đồng để lập quỹ thì được đại diện đứng ra lập quỹ;

- Cá nhân, tổ chức nước ngoài được góp tài sản với cá nhân, tổ chức Việt Nam để thành lập quỹ ở Việt Nam.

6. Tài sản tối thiểu ban đầu để thành lập Quỹ

Tài sản tối thiểu ban đầu được quy ra bằng tiền Đồng Việt Nam đối với Sáng lập viên thành lập quỹ là công dân, tổ chức của Việt Nam được quy định như sau:

- Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp xã: 50.000.000,00đ (năm mươi triệu đồng);

- Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 100.000.000,00đ (một trăm triệu đồng);

- Quỹ hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh: 500.000.000,00đ (năm trăm triệu đồng);

- Quỹ hoạt động trong phạm vi toàn quốc: 2.000.000.000,00đ (hai tỷ đồng).

Tài sản tối thiểu ban đầu được quy ra bằng tiền Đồng Việt Nam đối với quỹ của các doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và quỹ có góp vốn của cá nhân, tổ chức nước ngoài với cá nhân, tổ chức Việt Nam được quy định như sau:

- Hoạt động trong phạm vi cấp xã: 1.000.000.000,00đ (một tỷ đồng);

- Hoạt động trong phạm vi cấp huyện: 2.000.000.000,00đ (hai tỷ đồng);

- Hoạt động trong phạm vi cấp tỉnh: 5.000.000.000,00đ (năm tỷ đồng);

- Hoạt động trong phạm vi toàn quốc: 10.000.000.000,00đ (mười tỷ đồng).

! Khi thành lập Quỹ, vấn đề cần đặc biệt lưu ý là đảm bảo có sự cam kết đóng góp tài sản của các thành viên sáng lập Quỹ. Quỹ chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo (1) có giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ; (2) có tài khoản với đủ số tiền của sáng lập viên đã cam kết đóng góp tại Ngân hàng, kho bạc nhà nước; (3) có trụ sở và (4) đã công bố về việc thành lập quỹ trên 3 (ba) số báo viết, báo điện tử liên tiếp.

7. Hồ sơ xin phép thành lập Quỹ

Theo quy định tại Điều 10 Nghị định 148, hồ sơ thành lập Quỹ bao gồm:

- Đơn đề nghị thành lập quỹ.
- Dự thảo Điều lệ quỹ.
- Đề án thành lập và hoạt động của quỹ.
- Cam kết có trụ sở chính của quỹ.
- Cam kết về tài sản đóng góp để thành lập quỹ.
- Tư cách sáng lập viên:

+ Đối với sáng lập viên cá nhân là công dân Việt Nam phải có: lý lịch tư pháp; cam kết đóng góp tài sản, tài chính để thành lập quỹ;

+ Đối với sáng lập viên là người nước ngoài phải có: lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của nước người đó mang quốc tịch; cam kết góp tài sản, tài chính của cá nhân người nước ngoài đó cho cá nhân, tổ chức Việt Nam để tham gia thành lập quỹ; cam kết thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật Việt Nam và mục tiêu hoạt động của quỹ;

+ Đối với sáng lập viên là tổ chức của Việt Nam: tên và địa chỉ của tổ chức; nghị quyết của Ban Lãnh đạo tổ chức về việc tham gia thành lập quỹ kèm theo Quyết định về số tài sản đóng góp thành lập quỹ, Điều lệ của tổ chức, Quyết định cử đại diện tham gia hoặc là sáng lập viên thành lập quỹ;

+ Đối với sáng lập viên là tổ chức nước ngoài: tên đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức; Điều lệ của tổ chức; có

cam kết góp tài sản, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Việt Nam và mục tiêu hoạt động của quỹ; lý lịch người đại diện của tổ chức tham gia quỹ có xác nhận của tổ chức.

8. Cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Quỹ

- Bộ trưởng Bộ Nội vụ có thẩm quyền cho phép thành lập Quỹ có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh hoặc Quỹ do tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia thành lập.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cho phép thành lập đối với quỹ có phạm vi hoạt động tại tỉnh hoặc liên huyện.

Căn cứ điều kiện cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định cho phép thành lập quỹ có phạm vi hoạt động tại huyện, xã.

9. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

- Quyết định số 10/2008/QĐ-BTC ngày 12/02/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế quản lý tài chính Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

- Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/12/2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/9/2007 về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

III. Tổ chức khoa học và công nghệ

1. Các loại hình tổ chức khoa học và công nghệ

Theo quy định tại Điều 9 Luật Khoa học và Công nghệ, các tổ chức khoa học và công nghệ bao gồm:

- Tổ chức nghiên cứu khoa học, tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi chung là tổ chức nghiên cứu và phát triển);

- Trường đại học, học viện, trường cao đẳng (gọi chung là trường đại học);

- Tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ.

2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức khoa học công nghệ

Tổ chức khoa học công nghệ có một số quyền sau đây:

- Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- Thực hiện các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ;

- Thực hiện các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến và ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn;

- Hợp tác, liên doanh; góp vốn bằng tiền, tài sản, giá trị quyền sở hữu trí tuệ để tiến hành hoạt động khoa học và

công nghệ và hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của pháp luật;

- Nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế để tiến hành các hoạt động khoa học và công nghệ.

Tổ chức khoa học công nghệ có một số nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao.

- Sử dụng có hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học và công nghệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Góp phần xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước;

- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong tổ chức mình; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện dân chủ, bình đẳng, công khai trong việc bố trí và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ

Căn cứ Điều 4 Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ (sau đây gọi chung là Nghị định 81), tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức


dịch vụ khoa học và công nghệ được thành lập khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Mục tiêu phương hướng hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật;

- Có điều lệ và tổ chức hoạt động;

- Có đủ số lượng, cơ cấu trình độ cần thiết về nhân lực khoa học và công nghệ, kể cả nhân lực kiêm nhiệm.

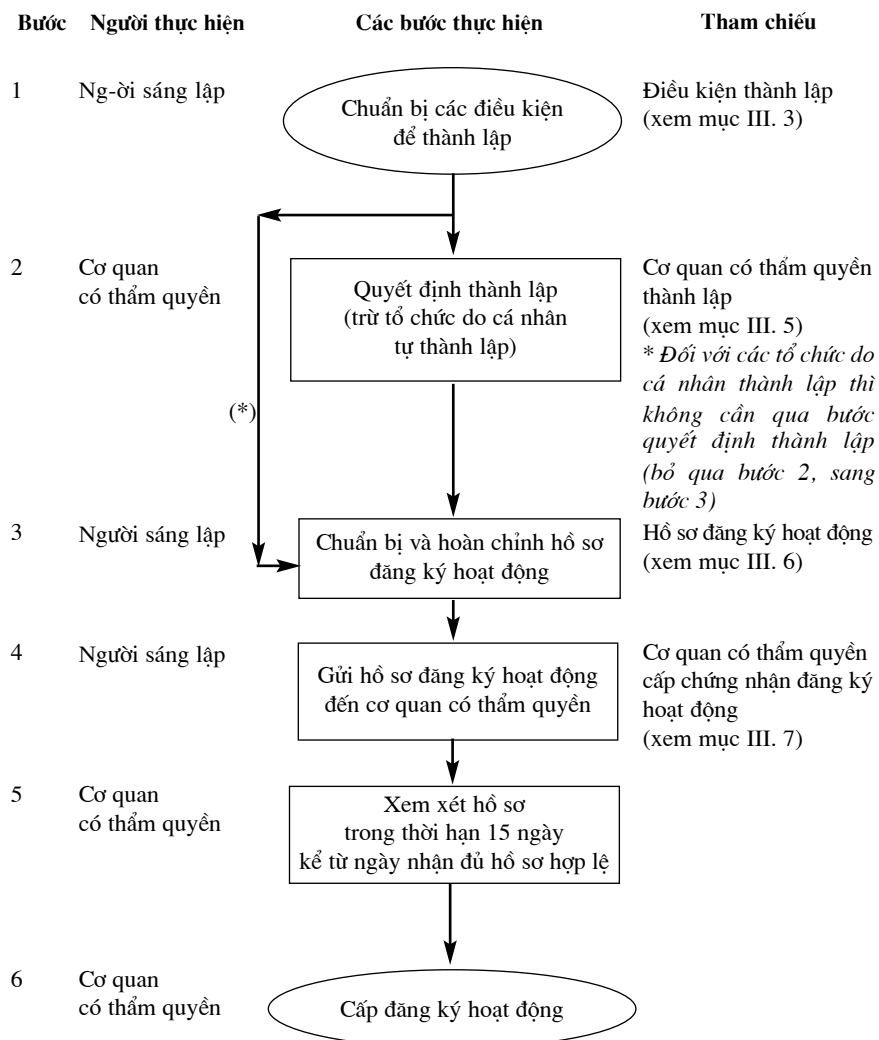
- Có trụ sở và cơ sở vật chất kỹ thuật đủ khả năng triển khai hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với Điều lệ của tổ chức đó.

 Theo Thông tư 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18/3/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây gọi chung là Thông tư 02), số lượng nhân lực khoa học-công nghệ và cơ sở vật chất kỹ thuật của một tổ chức khoa học và công nghệ được quy định như sau:

- Phải có ít nhất có ít nhất 05 người có trình độ đại học trở lên, trong đó có ít nhất 20% có trình độ chuyên môn thuộc một trong các lĩnh vực chủ yếu xin đăng ký hoạt động và ít nhất 40% làm việc theo chế độ chính nhiệm

- Vốn đăng ký hoạt động là tiền mặt hoặc giá trị cơ sở vật chất-kỹ thuật khác quy ra tiền mặt ít nhất là 200 triệu đồng.

4. Các bước thành lập và đăng ký hoạt động



1. Theo Thông tư 02, đối với tổ chức khoa học và công nghệ do 01 cá nhân thành lập thì đơn đăng ký hoạt động thay cho quyết định thành lập. Đối với tổ chức do từ 02 cá nhân trở lên thành lập thì biên bản họp có chữ ký của những người sáng lập thay cho quyết định thành lập, trong đó thống nhất các nội dung cơ bản (điều lệ tổ chức và hoạt động, vốn đăng ký, các chức danh lãnh đạo, quản lý và các nội dung khác).

2. Cá nhân được quyền thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ nhưng phải đảm bảo theo các quy định và hoạt động không được vi phạm các quy định của Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức khoa học công nghệ, đồng thời chỉ hoạt động trong các lĩnh vực theo Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg. Cá nhân có quyền đề xuất ý kiến xây dựng chính sách, pháp luật, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước với cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nếu các cá nhân có ý kiến phản biện về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước cần gửi ý kiến đó cho cơ quan Đảng, Nhà nước có thẩm quyền, không được công bố công khai với danh nghĩa hoặc gắn với danh nghĩa của tổ chức khoa học và công nghệ.

5. Cơ quan có thẩm quyền thành lập tổ chức khoa học và công nghệ

Theo Điều 5 Nghị định 81 và Điều 4 Thông tư 02, thẩm quyền quyết định thành lập tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) được quy định như sau:

- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương quyết định thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển


phù hợp với Điều lệ của tổ chức mình.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển cấp cơ sở.

- Người đứng đầu tổ chức nghiên cứu và phát triển cấp bộ, cấp tỉnh, tổ chức nghiên cứu và phát triển của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương; doanh nghiệp, trường đại học, bệnh viện của Nhà nước được quyết định thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển cấp cơ sở sau khi có sự chấp thuận của cấp trên quản lý trực tiếp.

- Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội không phải ở cấp trung ương, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức, cá nhân được thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển cấp cơ sở theo quy định của Nghị định 81.

- Tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập dưới hình thức hợp tác, liên kết phải có quyết định thành lập của một bên là cơ quan, tổ chức theo uỷ quyền của các bên hợp tác, liên kết còn lại.

 Hiện nay, có nhóm đã lựa chọn cho tổ chức mình được thành lập dưới sự bảo trợ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (VUSTA). Với vai trò này, VUSTA sẽ ra quyết định thành lập và tạo điều kiện cho tổ chức đó được đăng ký hoạt động tại Bộ Khoa học và công nghệ. Sau khi tổ chức đó được Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép hoạt động, VUSTA có trách nhiệm hướng dẫn và tạo điều kiện cho tổ chức này hoạt động theo

đúng quy định của Nhà nước và điều lệ mà VUSTA đã phê duyệt thông qua các hoạt động: Cung cấp các thông tin về cơ chế chính sách, phương hướng hoạt động khoa học và công nghệ; tập huấn nâng cao năng lực cho các tổ chức; đồng thời thực hiện việc thanh tra, kiểm tra theo quy định nhằm đảm bảo hoạt động của tổ chức tuân thủ các quy định của Nhà nước và điều lệ. Tuy nhiên, các tổ chức phải đóng phí quản lý hàng tháng cho VUSTA theo quy định.

6. Hồ sơ đăng ký hoạt động

Hồ sơ đăng ký của tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ bao gồm:

- Đơn đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;
- Quyết định thành lập;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động (hoặc dự thảo điều lệ đối với tổ chức do cá nhân thành lập);
- Nhân lực khoa học và công nghệ;
- Hồ sơ người đứng đầu tổ chức khoa học công nghệ;
- Hồ sơ về trụ sở chính;
- Bản kê khai cơ sở vật chất - kỹ thuật của tổ chức khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học

Theo Điều 7 Thông tư 02, việc phân cấp đăng ký hoạt động của một số tổ chức khoa học và công nghệ sau đây


được quy định như sau:

- Đăng ký hoạt động tại Bộ Khoa học và Công nghệ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ sau đây:

+ Tổ chức nghiên cứu và phát triển do tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội cấp trung ương quyết định thành lập.

+ Tổ chức khoa học và công nghệ có vốn của nước ngoài.

- Đăng ký hoạt động tại Sở Khoa học và Công nghệ nơi đặt trụ sở chính đối với các tổ chức khoa học và công nghệ không thuộc các tổ chức ở trên (ví dụ đối với các tổ chức khoa học và công nghệ có quy mô hoạt động cấp tỉnh).

 Khác với loại hình tổ chức Hội hoặc Quỹ, việc thành lập tổ chức và hoàn thành đăng ký hoạt động của Tổ chức khoa học và công nghệ phải qua 2 giai đoạn. Tổ chức khoa học và công nghệ chỉ được phép hoạt động khi tổ chức đó được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

8. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- Luật Khoa học và Công nghệ.

- Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ

- Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18/3/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký

hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ

- Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg ngày 24/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ.



Ví dụ thực tế về việc đăng ký pháp nhân

Trung tâm hành động vì người nhiễm HIV

Ban điều hành lâm thời của mạng lưới những người sống chung với HIV/AIDS tại Việt Nam đã tiến hành các thủ tục đăng ký thành lập Trung tâm hành động vì người nhiễm HIV dưới loại hình tổ chức khoa học và công nghệ. Tháng 8/2009, VUSTA đã ra quyết định thành lập Trung tâm với nhiệm vụ chính là tiến hành nghiên cứu, triển khai thực hiện các dự án và chương trình về HIV/AIDS, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS và tăng cường năng lực cho những người nhiễm HIV. Tháng 11/2009, Trung tâm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học công nghệ.

Theo anh Phạm Quốc Hùng, Giám đốc Trung tâm, về việc chuẩn bị hồ sơ thành lập và hồ sơ đăng ký hoạt động cho trung tâm rất tỉ mỉ và công phu, đặc biệt là lưu ý tới việc xây dựng điều lệ và phương án hoạt động của tổ chức mình.

IV. Tổ hợp tác

1. Định nghĩa Tổ hợp tác

Theo Điều 111 của Bộ luật Dân sự, Tổ hợp tác được hiểu như sau:

Tổ hợp tác được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn của từ ba cá nhân trở lên, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm là chủ thể trong các quan hệ dân sự.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổ hợp tác

Điều 12 Nghị định 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác (sau đây gọi chung là Nghị định 151) quy định Tổ hợp tác có một số quyền sau:

- Được lựa chọn ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm, hoạt động không giới hạn theo phạm vi hành chính địa phương nơi tổ hợp tác chứng thực hợp đồng hợp tác.

- Trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu hoặc liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để mở rộng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Được hưởng các chính sách hỗ trợ và tham gia xây dựng, thực hiện các kế hoạch, chương trình, dự án hỗ trợ

phát triển kinh tế tập thể; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm và xoá đói, giảm nghèo ở địa phương.

- Được mở tài khoản riêng tại ngân hàng.

- Được ký kết các hợp đồng dân sự.

Điều 13 Nghị định 151 quy định Tổ hợp tác có một số nghĩa vụ sau:

- Chịu trách nhiệm dân sự về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự do người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh tổ hợp tác.

- Chịu trách nhiệm dân sự bằng tài sản chung của tổ.

- Thực hiện các thoả thuận đã cam kết với các tổ viên, tổ chức và cá nhân khác.

- Thực hiện các trách nhiệm đối với người lao động do tổ hợp tác thuê theo quy định của pháp luật về lao động.

! Tổ hợp tác là sự lựa chọn phù hợp với mục đích phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, xoá đói giảm nghèo. Đối với các nhóm, ngoài việc giúp đỡ nhau nhằm tăng thu nhập cho các thành viên, các nhóm có thể tham gia xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án về lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS, như các hoạt động truyền thông, tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV tại cộng đồng.

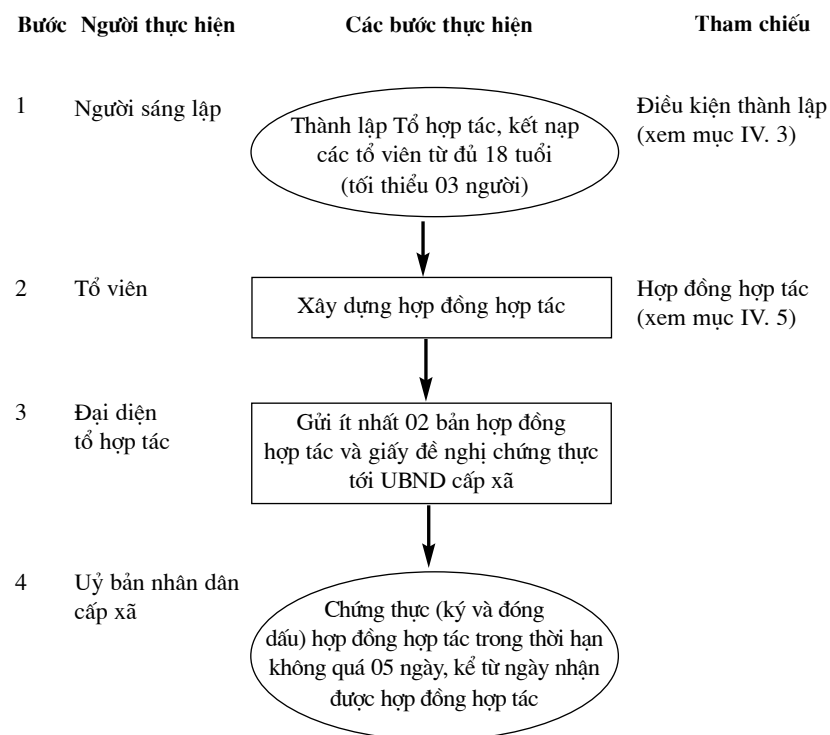
3. Điều kiện thành lập Tổ hợp tác

Để có thể thành lập được Tổ hợp tác, cần đảm bảo những điều kiện sau:

- Có từ 3 cá nhân trở lên;
- Có hợp đồng hợp tác giữa các thành viên;
- Hợp đồng hợp tác được Ủy ban nhân dân xã chứng thực.

! Tổ hợp tác có đủ điều kiện để trở thành pháp nhân theo quy định của pháp luật thì đăng ký hoạt động với tư cách pháp nhân tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Các bước thành lập Tổ hợp tác



5. Nội dung hợp đồng hợp tác

Theo quy định tại Điều 111 Bộ luật Dân sự và Điều 5 Nghị định 151 nội dung chủ yếu của hợp đồng hợp tác bao gồm:

- Mục đích, thời hạn hợp đồng hợp tác;
- Họ, tên, nơi cư trú, chữ ký của tổ trưởng và các tổ viên;
- Tài sản đóng góp (nếu có); phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức giữa các tổ viên;
- Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ viên, của tổ trưởng, ban điều hành (nếu có);
- Điều kiện kết nạp tổ viên mới và tổ viên ra khỏi tổ hợp tác;
- Điều kiện chấm dứt Tổ hợp tác;
- Các thoả thuận khác.

6. Cơ quan chứng thực hợp đồng hợp tác

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 151, Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan sẽ chứng thực hợp đồng hợp tác của Tổ hợp tác.

! Khi thành lập Tổ hợp tác, nên lưu ý cần có chứng thực hợp đồng hợp tác của Ủy ban nhân dân cấp xã để được hưởng các ưu đãi về thông tin, tư vấn; hỗ trợ đào tạo theo quy định tại Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151 về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

7. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác.

- Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác.



Ví dụ thực tế về việc đăng ký pháp nhân

Tổ hợp tác Hy vọng Thái Bình

Mạng lưới Hy vọng Thái Bình đã sáng kiến và lựa chọn mô hình cho tổ chức của mình là Tổ hợp tác. Trong thời gian 5 tháng tiến hành các thủ tục thành lập, ngày 21/3/2009, Tổ hợp tác Hy vọng chính thức được Ủy ban nhân dân xã Đông Hợp ký và trao quyết định thành lập với sự tham gia của 5 thành viên nòng cốt. Tổ hợp tác Hy vọng có con dấu và văn phòng đặt tại thôn Phong Lôi Tây, xã Đông Hợp, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Xưởng may của Tổ hợp tác là nơi tạo cơ hội việc làm cho 36 thành viên của Câu lạc bộ Hy vọng Đông Hưng và mạng lưới Hy vọng Thái Bình, giúp các thành viên có thu nhập và công việc ổn định. Ngoài việc sản xuất hàng may, Tổ hợp tác Hy vọng còn tổ chức các hoạt động cho vay vốn tín dụng để phát triển kinh tế hộ đối với các thành viên của mạng lưới hy vọng Thái Bình, xây dựng và phát triển nhóm, truyền thông tại cộng đồng bằng hình thức sân khấu hoá nhằm giảm sự kỳ thị và phân biệt đối xử với người nhiễm HIV, chăm sóc hỗ trợ và tư vấn cho người nhiễm HIV.

Theo anh Phạm Công Chuẩn, Tổ trưởng Tổ hợp tác Hy vọng cho biết Tổ hợp tác đã nhận được sự ủng hộ và tạo điều kiện của chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể tại địa phương và sự hỗ trợ kỹ thuật và vật chất từ Trung tâm nghiên cứu sức khoẻ cộng đồng và phát triển (COHED) thông qua dự án hỗ trợ của Irish Aid - Sứ quán Ai-xơ-len.

V. Hợp tác xã

1. Định nghĩa Hợp tác xã

Theo Luật Hợp tác xã năm 2003, Hợp tác xã được hiểu là tổ chức kinh tế tập thể do các cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân (sau đây gọi chung là xã viên) có nhu cầu, lợi ích chung, tự nguyện góp vốn, góp sức lập ra theo quy định của Luật này để phát huy sức mạnh tập thể của từng xã viên tham gia hợp tác xã, cùng giúp nhau thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Hợp tác xã hoạt động như một loại hình doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hợp tác xã

Điều 6 Luật Hợp tác xã quy định hợp tác xã có một số quyền sau:

- Lựa chọn ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm;

- Quyết định hình thức và cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã;

- Trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu hoặc liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài để mở rộng sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

- Thuê lao động trong trường hợp xã viên không đáp ứng được yêu cầu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

- Quyết định kết nạp xã viên mới, giải quyết việc xã viên ra hợp tác xã, khai trừ xã viên theo quy định của Điều lệ hợp tác xã;

- Quyết định việc phân phối thu nhập, xử lý các khoản lỗ của hợp tác xã;

- Quyết định khen thưởng những xã viên có nhiều thành tích trong việc xây dựng và phát triển hợp tác xã; thi hành kỷ luật những xã viên vi phạm Điều lệ hợp tác xã; quyết định việc xã viên phải bồi thường các thiệt hại đã gây ra cho hợp tác xã;

- Vay vốn của tổ chức tín dụng và huy động các nguồn vốn khác; tổ chức tín dụng nội bộ theo quy định của pháp luật;

- Được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp theo quy định của pháp luật;

- Khiếu nại các hành vi vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của hợp tác xã.

Điều 7 Luật Hợp tác xã quy định hợp tác xã có một số nghĩa vụ sau:

- Sản xuất, kinh doanh đúng ngành, nghề, mặt hàng đã đăng ký;

- Thực hiện đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và kiểm toán;

- Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

- Bảo toàn và phát triển vốn hoạt động của hợp tác xã; quản lý và sử dụng đất được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn điều lệ, vốn tích lũy và các nguồn vốn khác của hợp tác xã theo quy định của pháp luật;

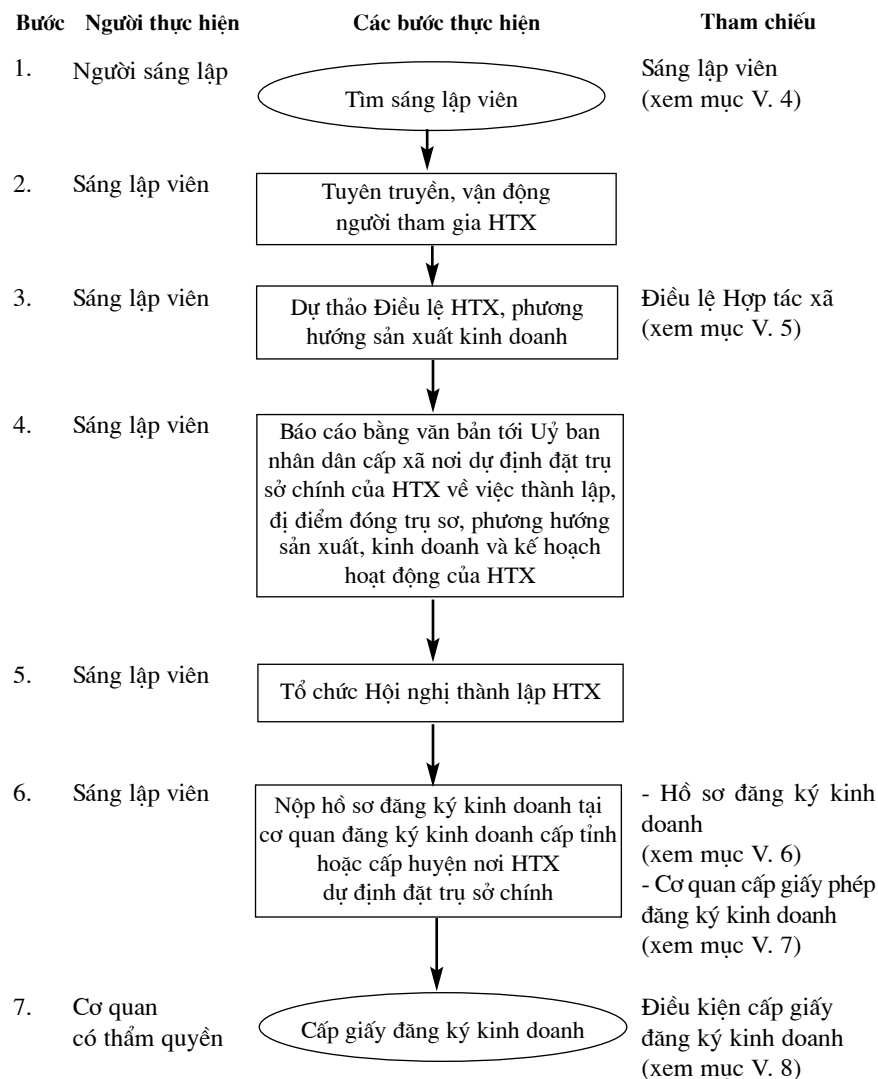
- Bảo vệ môi trường, môi sinh, cảnh quan, di tích lịch sử - văn hóa và các công trình quốc phòng, an ninh theo quyết định của pháp luật;

- Bảo đảm các quyền của xã viên và thực hiện các nghĩa vụ đối với xã viên:

- Đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho xã viên là cá nhân và người lao động làm việc thường xuyên cho hợp tác xã theo quy định của Điều lệ hợp tác xã phù hợp với quy định của pháp luật về bảo hiểm;

- Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết của xã viên.

3. Các bước thành lập và đăng ký kinh doanh



4. Sáng lập viên

Theo Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003, sáng lập viên là công dân Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự; đại diện có đủ thẩm quyền của hộ gia đình hoặc pháp nhân, có hiểu biết pháp luật về hợp tác xã và khẳng định bằng văn bản cam kết sẽ xây dựng và phát triển hợp tác xã do mình khởi xướng thành lập.

5. Điều lệ Hợp tác xã

Theo Điều 12 Luật Hợp tác xã năm 2003, Điều lệ Hợp tác xã có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên hợp tác xã, biểu tượng của hợp tác xã (nếu có);
- Địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh;
- Các quy định về đối tượng, điều kiện, thủ tục gia nhập và ra khỏi hợp tác xã của xã viên;
- Các quy định về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của xã viên;
- Nguyên tắc và đối tượng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc;
- Vốn điều lệ của hợp tác xã;
- Vốn góp tối thiểu: mức góp, hình thức góp, thời hạn góp và điều kiện trả lại vốn góp của xã viên;
- Thẩm quyền và phương thức huy động vốn;

- Nguyên tắc trả công, xử lý các khoản lỗ; chia lãi theo vốn góp, theo công sức đóng góp của xã viên và theo mức độ sử dụng dịch vụ của hợp tác xã; trích lập, quản lý và sử dụng các quỹ của hợp tác xã;

- Thể thức quản lý, sử dụng, bảo toàn và xử lý phân tài sản chung, vốn tích lũy của hợp tác xã khi hợp tác xã đang hoạt động và khi hợp tác xã giải thể;

- Cơ cấu tổ chức quản lý hợp tác xã; chức năng, quyền, nhiệm vụ và trách nhiệm của Ban quản trị, Trưởng Ban quản trị, Chủ nhiệm hợp tác xã, Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát và các bộ phận giúp việc cho hợp tác xã;

- Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã;

- Thể thức tiến hành Đại hội và thông qua quyết định của Đại hội xã viên;

- Chế độ xử lý vi phạm Điều lệ hợp tác xã và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

- Thể thức sửa đổi Điều lệ hợp tác xã;

- Các quy định khác do Đại hội xã viên tự quyết định nhưng không trái với quy định của pháp luật.

6. Hồ sơ đăng ký kinh doanh

Theo Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã và Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp tác xã bao gồm:


- Đơn đăng ký kinh doanh lập theo mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

- Điều lệ hợp tác xã.
- Số lượng xã viên, danh sách Ban Quản trị, Ban Kiểm soát hợp tác xã hoặc danh sách hợp tác xã thành viên, Hội đồng quản trị đối với liên hiệp hợp tác xã.
- Biên bản đã thông qua tại hội nghị thành lập hợp tác xã.

7. Cơ quan cấp giấy phép đăng ký kinh doanh

Hợp tác xã có quyền lựa chọn nơi đăng ký kinh doanh ở cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh hoặc cấp huyện nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở chính, tùy theo điều kiện cụ thể của hợp tác xã.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh là Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện là Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.


 Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải xem xét hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hợp tác xã; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản.

8. Điều kiện được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Hợp tác xã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ;
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm;

- Tên, biểu tượng (nếu có) của hợp tác xã;
- Có vốn điều lệ. Đối với hợp tác xã kinh doanh ngành, nghề mà Chính phủ quy định phải có vốn pháp định thì vốn điều lệ không được thấp hơn vốn pháp định;
- Nộp đủ lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

 Hợp tác xã có tư cách pháp nhân và có quyền hoạt động theo nội dung đăng ký kinh doanh, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hợp tác xã khi thành lập sẽ được hưởng một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã về bồi dưỡng, đào tạo, đất đai, tài chính, tín dụng, xúc tiến thương mại, ứng dụng công nghệ, đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất của hợp tác xã, đời sống của cộng đồng xã viên và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

9. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- Luật Hợp tác xã năm 2003;
- Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003;
- Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã;
- Nghị định số 77/2005/NĐ-CP ngày 09/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã;

- Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã;

- Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã;

- Thông tư số 02/2006/TT-BKH ngày 13 tháng 02 năm 2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã.

- Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã.

VI. Hộ kinh doanh

1. Định nghĩa về hộ kinh doanh

Theo Điều 36 Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh (sau đây gọi tắt là Nghị định 88), hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng không quá mười lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

2. Quyền thành lập hộ kinh doanh và nghĩa vụ đăng ký kinh doanh

Theo Điều 37 Nghị định 88 thì:

- Công dân Việt Nam đủ 18 tuổi, có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; các hộ gia đình có quyền thành lập hộ kinh doanh và có nghĩa vụ đăng ký kinh doanh theo quy định tại Chương VI Nghị định số 88;

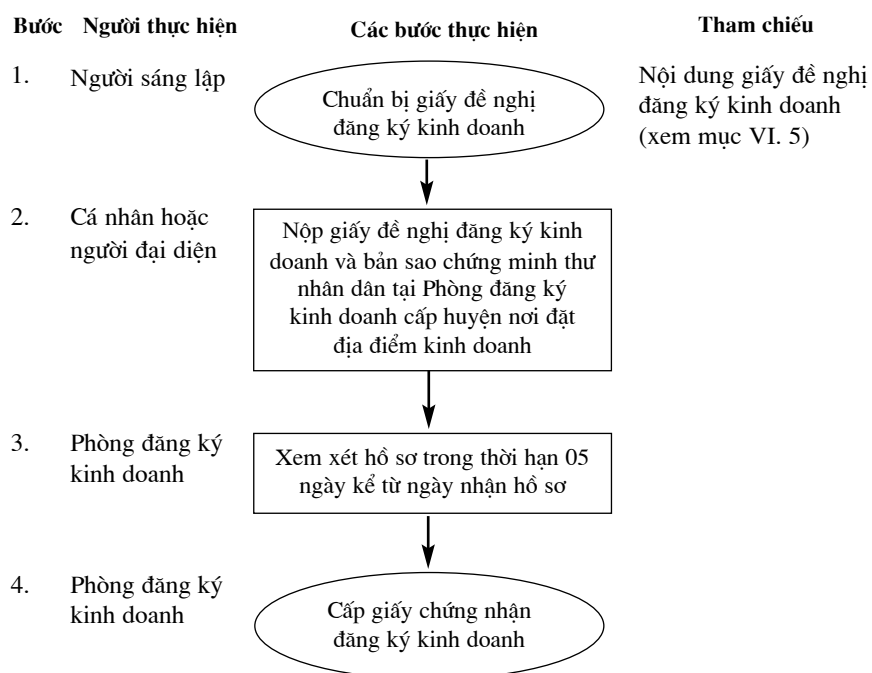
- Cá nhân, hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được đăng ký kinh doanh một hộ kinh doanh trong phạm vi toàn quốc.

3. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Theo Điều 38 Nghị định 88, hộ kinh doanh được cấp giấy

chứng nhận đăng ký kinh doanh nếu có đủ điều kiện sau:

- Ngành, nghề kinh doanh không thuộc danh mục ngành, nghề cấm kinh doanh;
- Tên hộ kinh doanh dự định đăng ký phù hợp quy định tại Điều 42 Nghị định 88 về đặt tên hộ kinh doanh;
- Nộp đủ lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

4. Các bước tiến hành đăng ký kinh doanh**5. Nội dung giấy đề nghị đăng ký kinh doanh**

- Tên hộ kinh doanh, địa chỉ địa điểm kinh doanh;
- Ngành, nghề kinh doanh;
- Số vốn kinh doanh;
- Họ, tên, số và ngày cấp Giấy chứng minh nhân dân, địa chỉ nơi cư trú và chữ ký của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình.

! Đối với những ngành, nghề phải có chứng chỉ hành nghề, thì kèm theo các giấy tờ trên phải có bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của cá nhân hoặc đại diện hộ gia đình.

Đối với những ngành, nghề phải có vốn pháp định, thì kèm theo các giấy tờ trên phải có bản sao hợp lệ văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

6. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh


Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho hộ kinh doanh là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt địa điểm kinh doanh.

7. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.
- Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ và Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị

định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13/01/2009 của Bộ và Kế hoạch Đầu tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

 Hộ kinh doanh có sử dụng thường xuyên hơn 10 lao động phải đăng ký kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp.

VII. Doanh nghiệp

1. Định nghĩa về doanh nghiệp

Doanh nghiệp là tổ chức kinh tế có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch ổn định, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật nhằm mục đích thực hiện các hoạt động kinh doanh.

2. Các loại hình doanh nghiệp

Theo Luật Doanh nghiệp năm 2005, doanh nghiệp được tổ chức dưới nhiều loại hình như: công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân.

3. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp

Điều 8 Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp có một số quyền sau:

- Hoạt động trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh mà pháp luật không cấm.

Nếu hoạt động trong các lĩnh vực ngành nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định, chứng chỉ hành nghề thì phải tuân thủ các quy định của pháp luật quy định về đăng ký vốn pháp định và chứng chỉ hành nghề.

- Tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; được nhà nước khuyến khích ưu

đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

- Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

- Chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Điều 9 Luật Doanh nghiệp quy định doanh nghiệp có một số nghĩa vụ sau:

- Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành, nghề đã ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn.

- Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế.

- Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động.

- Bảo đảm và chịu trách nhiệm về hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

4. Điều kiện cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Theo Điều 24 Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

Doanh nghiệp khi đăng ký kinh doanh cần có đủ các điều kiện sau:

- Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không thuộc lĩnh vực cấm kinh doanh;

- Tên của doanh nghiệp được đặt đúng theo quy định của

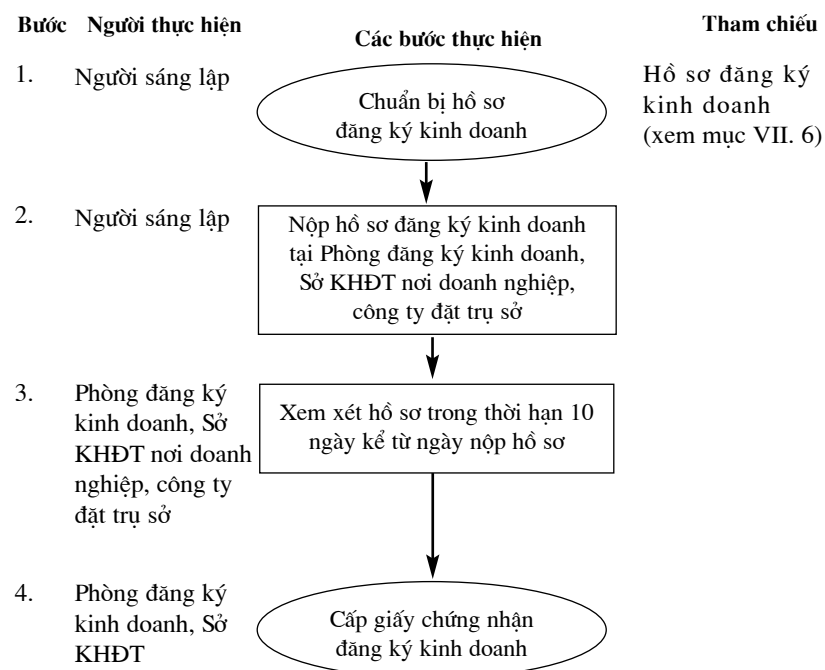
Luật Doanh nghiệp (các điều 31, 32, 33, 34);

- Có trụ sở chính được quy định tại Điều 35 của Luật Doanh nghiệp;

- Có hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ theo quy định của pháp luật;

- Nộp đủ lệ phí kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Các bước tiến hành đăng ký kinh doanh



6. Hồ sơ đăng ký kinh doanh

Hồ sơ đăng ký kinh doanh đối với từng loại hình doanh

nghiệp được quy định cụ thể tại Luật Doanh nghiệp. Về cơ bản, hồ sơ đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Giấy đề nghị đăng ký kinh doanh theo mẫu thống nhất do cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền quy định.

- Dự thảo điều lệ công ty

- Danh sách thành viên, và các giấy tờ kèm theo sau: bản sao giấy chứng minh thư nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của mỗi thành viên.

- Văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với công ty hợp danh kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định.

- Chứng chỉ hành nghề đối với công ty hợp danh kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

7. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp, công ty đặt trụ sở chính là cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

! Theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các doanh nghiệp nếu có 51% người lao động bình quân trong năm trở lên là người nhiễm HIV và người sau cai nghiện ma túy thì sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá và dịch vụ.

8. Văn bản quy phạm pháp luật liên quan

- Luật doanh nghiệp năm 2005.

- Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

- Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật doanh nghiệp.

- Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký kinh doanh.

- Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13/01/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 về đăng ký kinh doanh.

! GHI CHÚ

Cuốn tài liệu này được sử dụng làm tài liệu tham khảo với mong muốn giúp các nhóm hiểu và tuân thủ các quy định của Nhà nước về đăng ký thành lập một số loại hình tổ chức.

Các nhóm cần xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ hoạt động của tổ chức mình trước khi quyết định lựa chọn và thành lập cho nhóm mình một loại hình tổ chức phù hợp. Một tổ chức chỉ được thành lập và đăng ký tư cách pháp nhân khi đảm bảo tuân thủ đầy đủ các điều kiện và thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành về tổ chức đó.

Trong 5 loại hình tổ chức được giới thiệu như trên, tùy theo mục đích hoạt động, các nhóm sẽ cân nhắc lựa chọn loại hình phù hợp:

- **Đăng ký thành lập tổ chức dưới mô hình Hội:** Đối với tổ chức có mục đích hoạt động với mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ nhau hoạt động như: tư vấn, giáo dục đồng đẳng, chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV, đào tạo và dạy nghề, tham gia các chương trình giới thiệu và tạo việc làm, truyền thông thay đổi hành vi và vận động chính sách.

- **Đăng ký thành lập tổ chức là Quỹ:** Đối với tổ chức có mục đích hoạt động huy động nguồn vốn và trợ giúp người nhiễm HIV.

- **Đăng ký thành lập tổ chức khoa học và công nghệ:** Đối với tổ chức có mục đích hoạt động nghiên cứu khoa học và cung ứng các dịch vụ khoa học công nghệ.

- **Đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ kinh doanh hoặc doanh nghiệp:** Đối với tổ chức có mục đích hoạt động kinh doanh, tạo thu nhập và việc làm.

PHẦN C

PHỤ LỤC

I. Văn bản quy phạm pháp luật, mẫu đăng ký và địa chỉ kết nối

HỘI

1. Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_hoi_hiep_hoi/nghi_dinh_45_ve_thanh_lap_Hoi.pdf

QUỸ XÃ HỘI, QUỸ TỪ THIỆN

1. Nghị định số 148/2007/NĐ-CP ngày 25/9/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_quy_xh_tu_nhien/Nghi_dinh_148_ve_to_chuc_hoat_dong_cua_Quy_XH,_Quy_tu_thien.pdf

2. Quyết định số 10/2008/QĐ-BTC ngày 12/02/2008 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế quản lý tài chính Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_quy_xh_tu_nhien/Quyết_dinh_so_10_cua_Bo_tai_chinh_ve_quy_che_quan_ly_tai_chinh_Quy.pdf

3. Thông tư số 09/2008/TT-BNV ngày 31/12/2008 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số điều của Nghị định số

148/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/9/2007 về tổ chức, hoạt động của Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_guy_xh_tu_nhien/Thong_tu_09_huong_dan_Nghi_dinh_148ve_hoat_dong_Quy.pdf

TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Luật Khoa học và Công nghệ

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_to_chuc_khcn/LuatKhoa_hoc-Cong_nghe.pdf

2. Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ (liên quan đến thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ).

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_to_chuc_khcn/Nghi_dinh_81thi_hanh_Luat_KHCN.pdf

3. Thông tư số 02/2010/TT-BKHHCN ngày 18/3/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_to_chuc_khcn/Thong_tu_so_02_huong_dan_thanh_lap_to_chuc_KHCN.pdf

4. Quyết định số 97/2009/QĐ-TTg ngày 24/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục các lĩnh vực cá nhân được thành lập tổ chức khoa học và công nghệ.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_to_chuc_khcn/Quyết_dinh97.pdf

TỔ HỢP TÁC

1. Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10/10/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_to_hop_tac/nghi_dinh_151_ve_to_hop_tac.pdf

2. Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác và các mẫu đơn đăng ký.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_to_hop_tac/Thong_tu_04_cua_BKHDT_huong_dan_ND_151_ve_to_hop_tac.pdf

HỢP TÁC XÃ

1. Luật Hợp tác xã năm 2003

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_htx/Luat_hop_tac_xa_2003.pdf

2. Nghị định số 177/2004/NĐ-CP ngày 12/10/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã năm 2003

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_htx/nghi_dinh_177_huong_dan_luat_HTX.pdf

3. Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_htx/nghi_dinh_87_dang_ky_KD_HTX.pdf

4. Nghị định số 77/2005/NĐ-CP ngày 9/6/2005 của Chính phủ về việc ban hành mẫu hướng dẫn xây dựng điều lệ hợp tác xã.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_htx/Nghi_dinh_77_ve_mau_dieu_le_HTX.doc.pdf

5. Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15/12/2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_htx/Thong_tu_05_huong_dan_Nghi_dinh_87_ve_dang_ky_HTX.pdf

6. Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_htx/ND_88_ve_chinh_sach_phat_trien_to_hop_tac.pdf

7. Thông tư số 02/2006/TT-BKH ngày 13/02/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn thực hiện một số điều tại Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_htx/thong_tu_so_02_cua_BKHDT_hg_dan_ND_88.pdf

8. Thông tư số 66/2006/TT-BTC ngày 17/7/2006 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 88/2005/NĐ-CP ngày 11/7/2005 của Chính phủ về chế độ tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_htx/Thong_tu_66_cua_Bo_tai_chinh_huong_dan_ND88_ve_chinh_sach_ho_tro_phat_trien_to_hop_tac.pdf

HỘ KINH DOANH

1. Nghị định số 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ ngày 29/8/2006 về đăng ký kinh doanh.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/ND88_ve_dang_ky_kinh_doanh_2006.pdf

2. Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/thong_tu_03_cua_BKHDT_ve_dang_ky_KD.pdf

3. Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13/01/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số

03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/Thong_tu_01_sua_doi_TT03_cua_BKHDT_ve_dang_ky_KD.pdf

DOANH NGHIỆP

1. Luật Doanh nghiệp năm 2005.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/luat_doanh_nghiep_2005.pdf

2. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/Luat_thue_thu_nhap_doanh_nghiep_2008.pdf

3. Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/ND88_ve_dang_ky_kinh_doanh_2006.pdf

4. Nghị định số 139/2007/NĐ-CP ngày 05/9/2007 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/ND139_2007_huong_dan_mot_so_dieu_Luat_doanh_nghiep.pdf

5. Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về đăng ký kinh doanh.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/thong_tu_03_cua_BKHDT_ve_dang_ky_KD.pdf

6. Thông tư số 01/2009/TT-BKH ngày 13/01/2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 về đăng ký kinh doanh.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_doanh_nghiep_cty/Thong_tu_01_sua_doi_TT03_cua_BKHDT_ve_dang_ky_KD.pdf

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HOÁ VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

1. Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve_chinh_sach/ND69_2008_Khuyen_khich_XHH.pdf

2. Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành về quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve

chinh sach/Nghi dinh 93 ban hanh quy che quan ly va su dung vien tro PCPNN.pdf

3. Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường.

http://www.unaids.org.vn/resource/topic/legaldocs/VB_ve chinh_sach/Thong_tu_huong_danND_69.pdf

II. Văn phòng tư vấn và trợ giúp pháp lý HIV/AIDS

Dưới đây là các địa chỉ cung cấp tư vấn và trợ giúp pháp lý miễn phí cho người gặp vấn đề pháp lý liên quan đến Luật Phòng, chống HIV/AIDS, do các luật gia, luật sư và người nhiễm HIV được đào tạo và có kinh nghiệm cùng thực hiện.

1. Văn phòng Tư vấn và Trợ giúp pháp lý HIV/AIDS Hải Phòng

Địa chỉ: số 58 Điện Biên Phủ, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3746182

2. Văn phòng Tư vấn và Trợ giúp pháp lý HIV/AIDS Quảng Ninh

Địa chỉ: Ngõ 12, đường Nguyễn Văn Cừ, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: (033) 3835362/3820014

3. Văn phòng Tư vấn và Trợ giúp pháp lý HIV/AIDS Tp. Hà Nội

Địa chỉ: Số 1 ngõ 135 Núi Trúc, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (04) 37366524/37368043

4. Văn phòng Tư vấn và Trợ giúp pháp lý HIV/AIDS Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: số 111 Lê Thánh Tôn, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 38 223028/38272658

5. Văn phòng Tư vấn và Trợ giúp pháp lý HIV/AIDS An Giang

Địa chỉ: số 32 đường Chu Văn An, Tp. Long Xuyên

Điện thoại: (076) 3949234

6. Đường dây điện thoại nóng tư vấn và trợ giúp pháp lý miễn phí trên toàn quốc: 18001521

III. Hội phòng, chống HIV/AIDS

1. Hội Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam

Địa chỉ: 138 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (04) 62792099

2. Hội Phòng, chống HIV/AIDS Tp. Hà Nội

Địa chỉ: 86A Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (04) 22104773

3. Hội Phòng, chống HIV/AIDS Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 121 Lý Chính Thắng, phường 17, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39309309, máy lẻ 168

4. Hội Phòng, chống HIV/AIDS Tp. Hải Phòng

Địa chỉ: 38 Lê Đại Hành, Tp. Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3822355

5. Hội Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh An Giang

Địa chỉ: 10-11 Lê Lợi, phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên

Điện thoại: (076) 3211275/955401

6. Hội Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Khánh Hoà

Địa chỉ: 31 Lê Thanh Phương, thành phố Nha Trang

Điện thoại: (058) 3562744

Mục lục

	5
	7
	11
Lời giới thiệu	
Hướng dẫn sử dụng	17
PHẦN A. THÔNG TIN CƠ BẢN	19
PHẦN B. ĐIỀU KIỆN VÀ THỦ TỤC THÀNH LẬP/ĐĂNG KÝ PHÁP NHÂN	23
Những nội dung cơ bản đối với mỗi loại hình tổ chức	35
I. Hội	43
II. Quỹ xã hội, Quỹ từ thiện	52
III. Tổ chức khoa học và công nghệ	58
IV. Tổ hợp tác	67
V. Hợp tác xã	71
VI. Hộ kinh doanh	77
VII. Doanh nghiệp	79
PHẦN C. PHỤ LỤC	87
	89

I. Văn bản quy phạm pháp luật, mẫu đăng ký thành lập và địa chỉ kết nối

II. Văn phòng tư vấn và trợ giúp pháp lý HIV/AIDS

III. Hội phòng, chống HIV/AIDS

